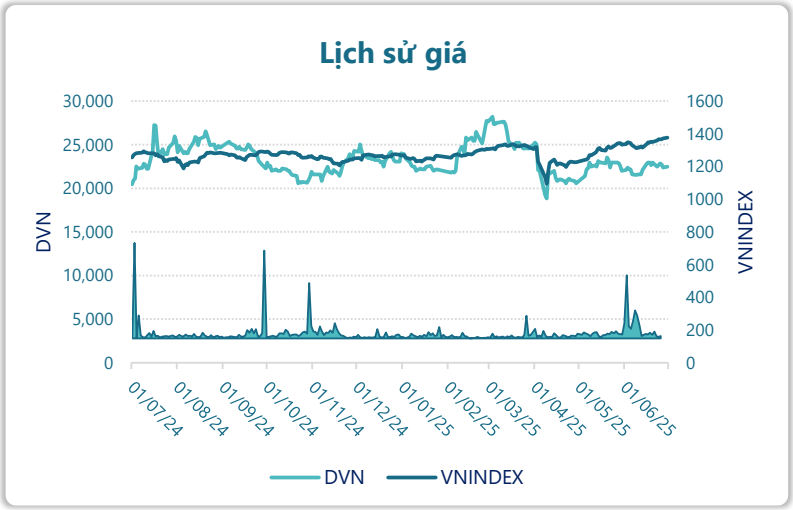
FireAnt

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (UPCOM: DVN)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**23,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,832
SL cổ phiếu LH	237,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	338,915
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,570
P/E	17.5
EPS	1,346

DT thuần

Q2/25

1,401

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 158| 12.7%

YoY: ▼128| -8.4%

LN sau thuế

Q2/25

153

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 67.2| 77.9%

YoY: ▼106| -41.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

12.5%

+/- YoY: ▼ 5.7%

DT thuần

6T 2025

2,644

tỷ VNĐ

YoY: ▼80.0| -2.9%

LN sau thuế

6T 2025

238

tỷ VNĐ

YoY: ▼115| -32.4%

ROE

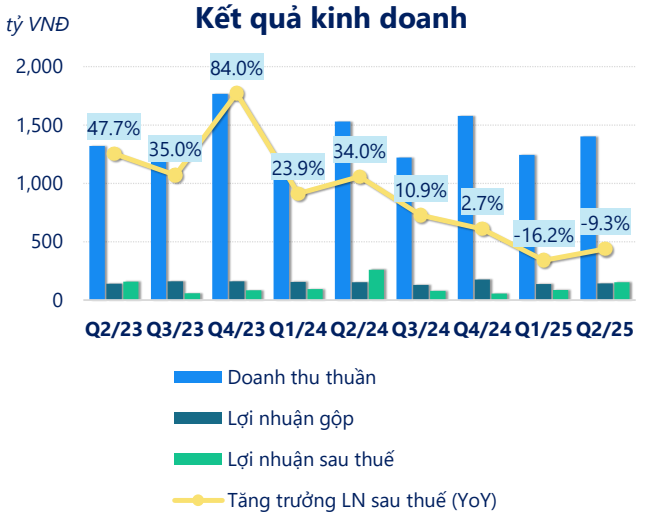
Q2/25

9.4%

+/- YoY: ▼ 4.7%

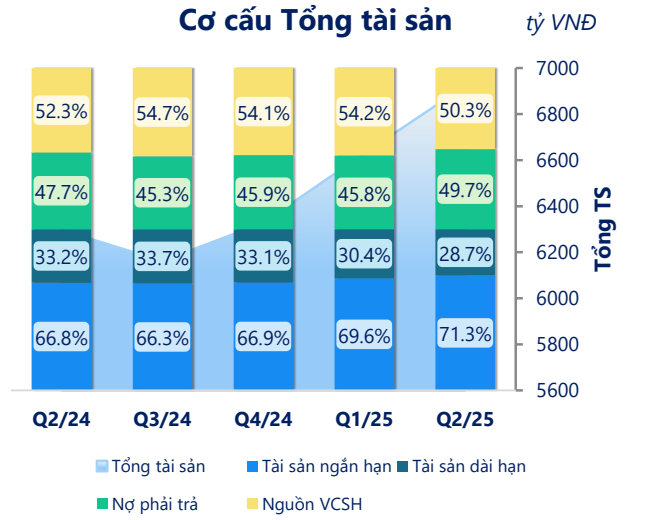
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



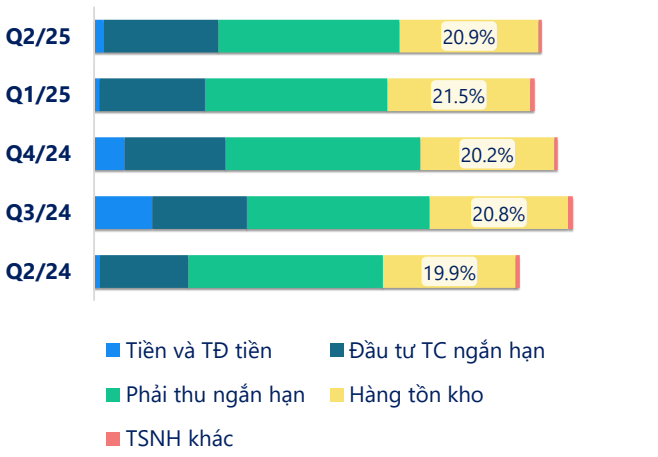
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



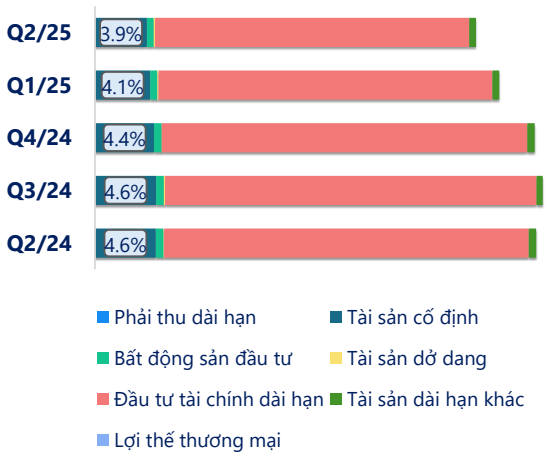
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



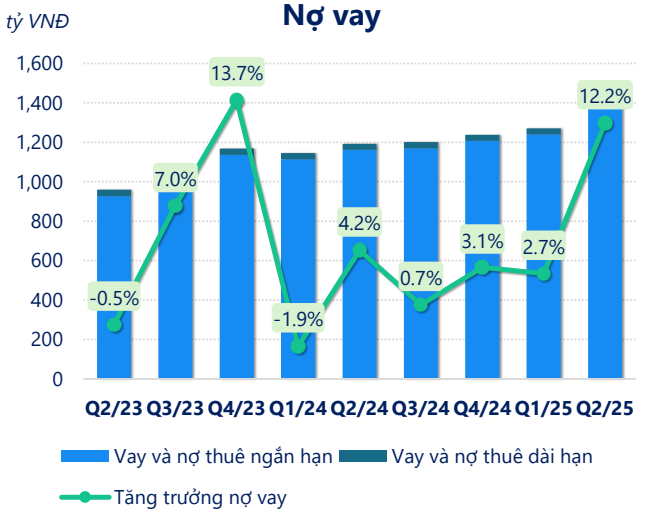
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



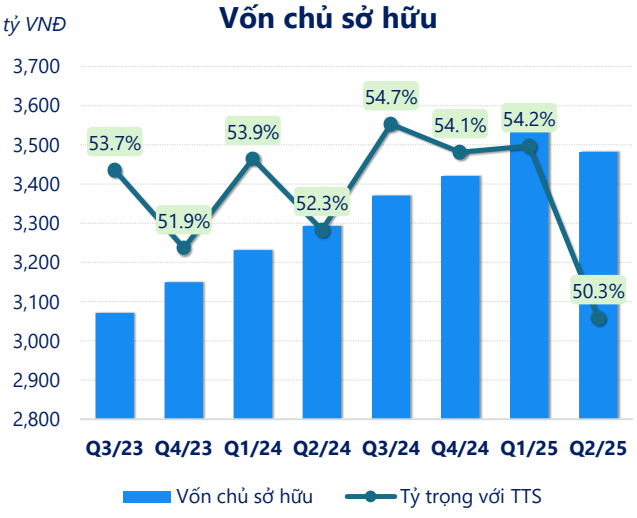
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



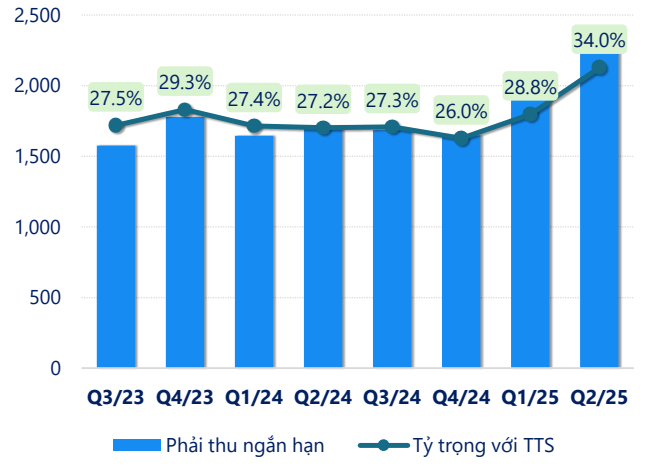
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



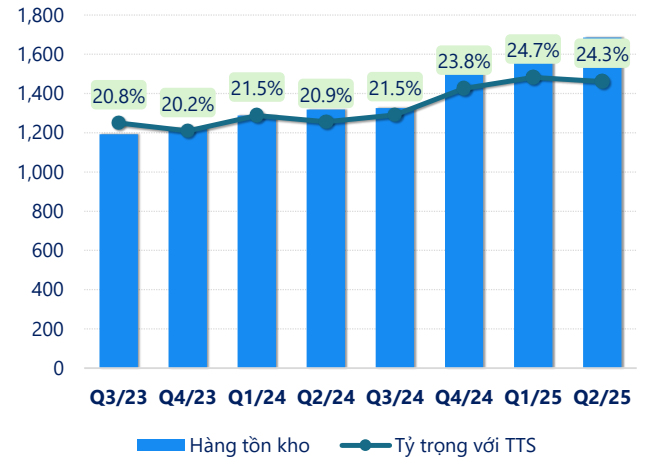
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



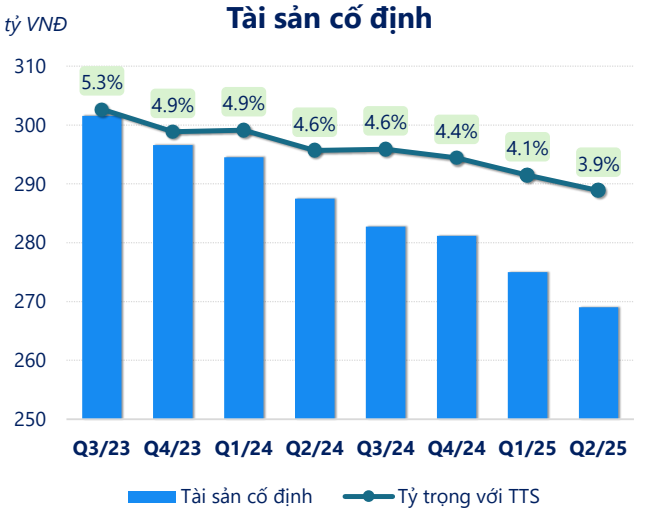
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



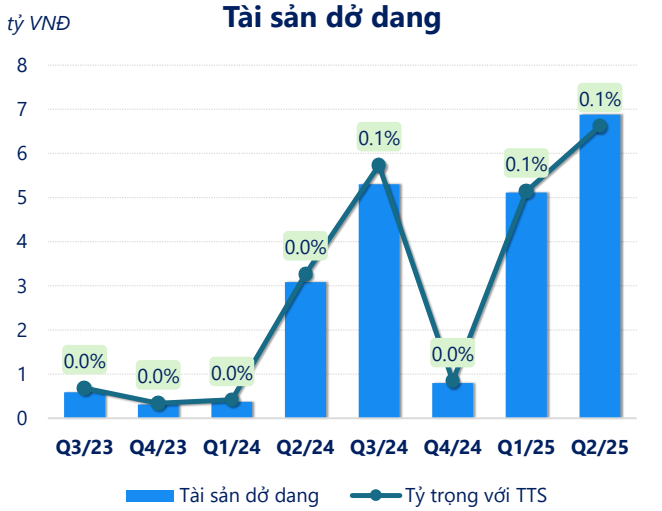
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



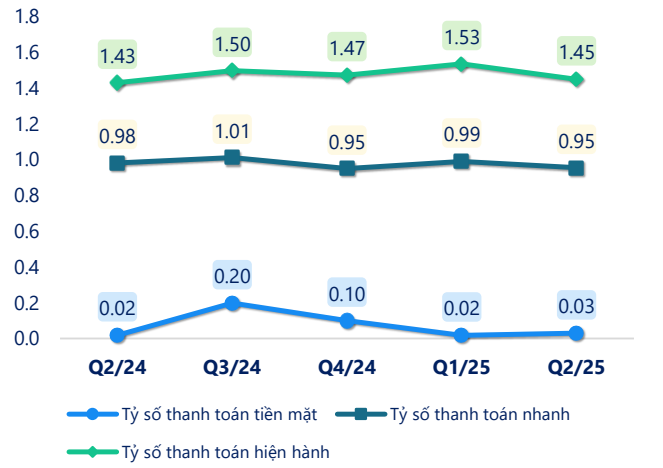
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



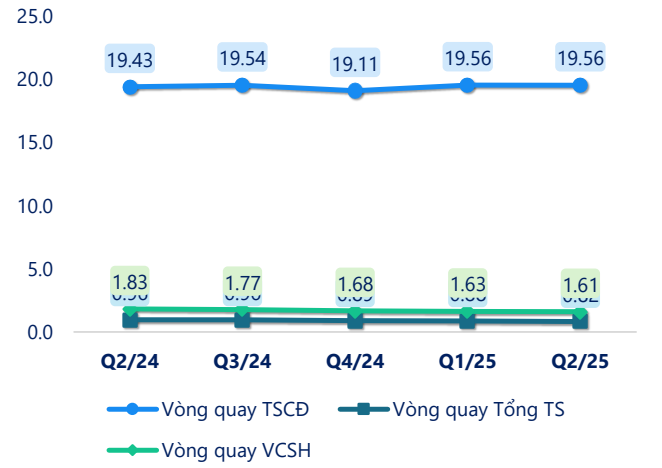
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**6,297**	**6,162**	**6,328**	**6,629**	**6,923**
Tài sản ngắn hạn	**4,207**	**4,086**	**4,235**	**4,613**	**4,939**
Tiền và tương đương tiền	54.9	541	289	52.9	99.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,087	499	756	976	764
Phải thu ngắn hạn	1,715	1,685	1,648	1,906	2,357
Hàng tồn kho	1,318	1,325	1,503	1,638	1,686
Tài sản ngắn hạn khác	31.9	36.7	39.5	39.9	32.5
Tài sản dài hạn	**2,090**	**2,076**	**2,093**	**2,017**	**1,984**
Phải thu dài hạn	0.66	0.67	0.65	0.72	1.44
Tài sản cố định	287	283	281	275	269
Bất động sản đầu tư	36.3	36.0	35.8	35.5	35.2
Tài sản dở dang	3.08	5.30	0.80	5.11	6.88
Đầu tư tài chính dài hạn	1,727	1,722	1,739	1,665	1,636
Tài sản dài hạn khác	34.9	29.0	35.3	35.2	35.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,004**	**2,792**	**2,907**	**3,037**	**3,441**
Nợ ngắn hạn	**2,942**	**2,730**	**2,876**	**3,005**	**3,408**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,162	1,170	1,208	1,241	1,396
Phải trả người bán ngắn hạn	1,508	1,445	1,556	1,602	1,599
Nợ dài hạn	61.7	61.9	31.5	31.5	33.3
Vay và nợ thuê dài hạn	30.4	30.6	30.2	30.2	30.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,293**	**3,370**	**3,421**	**3,593**	**3,482**
Vốn chủ sở hữu	**3,293**	**3,370**	**3,421**	**3,593**	**3,482**
Vốn điều lệ	2,370	2,370	2,370	2,370	2,370
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)